

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN HỘI*

Ngày nhận bài: 13/10/2025 Ngày thẩm định: 17/10/2025 Ngày duyệt đăng: 24/11/2025

Tóm tắt: Thực hiện chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Thành tựu trong việc thực hiện phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên các lĩnh vực giảm nghèo bền vững, giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường thời gian qua, đặt ra những yêu cầu cần có giải pháp đồng bộ để thực hiện hiệu quả các chính sách này trong thời gian tới.

Từ khóa: dân tộc thiểu số; phúc lợi xã hội; Việt Nam

1. Đặt vấn đề
Việt Nam có 53 dân tộc thiểu số, sinh sống chủ yếu ở các vùng miền núi, biên giới, nơi điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn và dễ bị tổn thương trước những biến động của phát triển. Nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước luôn nhất quán xác định việc bảo đảm phúc lợi xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số là một nhiệm vụ chiến lược, thể hiện bản chất nhân văn, ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và là một bộ phận quan trọng trong chính sách dân tộc của Đảng.

Theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), “phúc lợi xã hội bao gồm các biện pháp bảo vệ thu nhập, tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở, việc làm và an sinh trong suốt vòng đời của con người”⁽¹⁾. Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng

chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” xác định, nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân bao gồm: giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường⁽²⁾. Điều này thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng về việc phân phối lại một phần thu nhập quốc dân thông qua chính sách phúc lợi.

Chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam là hệ thống các biện pháp của Nhà nước nhằm sử dụng hiệu quả ngân sách và các nguồn lực xã hội để phân phối lại thu nhập, đáp ứng nhu cầu thiết yếu, giảm chênh lệch mức sống và tạo điều kiện phát triển toàn diện cho đồng bào. Việc thực hiện chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số vừa bảo đảm đời sống, tạo cơ hội vươn lên thoát nghèo, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển, vừa góp phần giảm bất bình đẳng xã hội, bảo đảm quyền thụ hưởng các thành quả phát triển, qua đó thể hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc và khẳng định tính ưu

*ThS, Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng

việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Hiện nay, Đảng và Nhà nước đang triển khai chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên các lĩnh vực trọng yếu, như giảm nghèo bền vững, giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển con người toàn diện trong vùng đồng bào.

2. Kết quả thực hiện chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số

Những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách lớn nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có chính sách phúc lợi xã hội giữ vai trò then chốt. Giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phê duyệt theo Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội “Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030” và Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025”, trong đó triển khai 10 dự án thành phần, với tổng vốn hơn 137 nghìn tỷ đồng. Cùng với 136 chính sách dân tộc hiện hành, nguồn lực đầu tư đã tạo chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, góp phần cải thiện toàn diện đời sống đồng bào. *Kết quả thực hiện chính sách phúc lợi thể hiện cụ thể như sau:*

Thứ nhất, triển khai đồng bộ các chương trình giảm nghèo bền vững

Các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách tín dụng ưu đãi và hỗ trợ đất sản xuất, cây, con giống, đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã tạo động lực quan trọng giúp đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao thu nhập, tự chủ sinh kế. Tính từ đầu năm 2023 đến

giữa năm 2024, có 823.608 hộ đồng bào dân tộc thiểu số được vay vốn tín chấp ưu đãi (chiếm 22% tổng số hộ)⁽³⁾. Đến năm 2024, diện tích đất sản xuất bình quân của hộ dân tộc thiểu số là 14.288,5m²(4), tỷ lệ lao động dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên tham gia lao động là 72,2% năm 2024, trong đó tỷ lệ có việc làm là 95,38%⁽⁵⁾. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số đã giảm mạnh, từ 35,5% năm 2019⁽⁶⁾ xuống còn 16,53% theo chuẩn nghèo quốc gia năm 2023⁽⁷⁾, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc.

Thứ hai, chính sách giáo dục, đào tạo được triển khai đồng bộ, nâng cao cơ hội học tập và chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Hệ thống chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; mở rộng mạng lưới các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; ưu tiên tuyển sinh đối với học sinh dân tộc thiểu số vào các trường cao đẳng, đại học;... đã góp phần nâng cao tỷ lệ đi học đúng độ tuổi, giảm tỷ lệ bỏ học ở các cấp học, tăng số năm đi học. Những chính sách đặc thù này đã góp phần nâng cao cơ hội tiếp cận giáo dục cho học sinh dân tộc. Năm 2019 trên cả nước có gần 21,6 nghìn trường học và 26,5 nghìn điểm trường vùng dân tộc thiểu số, trong đó tỷ lệ trường học kiên cố đạt trên 91,3%, giáo viên là người dân tộc thiểu số đạt 25,7%⁽⁸⁾. Năm 2024 tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số vào học tiểu học đạt 96,3%, tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết chữ phổ thông là 84,6%; tỷ lệ đi học cấp trung học cơ sở là 91,2%, cấp trung học phổ thông là 53,8%⁽⁹⁾. Những kết quả đạt được trong giáo dục, đào tạo đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực, góp phần tích cực thúc đẩy giảm nghèo bền vững, chuyển đổi nghề và giải quyết việc làm vùng dân tộc thiểu số. Tỷ lệ lao động người dân tộc thiểu số qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật tăng dần hằng năm, góp phần quan trọng

vào việc, hỗ trợ chuyển đổi nghề và thúc đẩy quá trình giảm nghèo bền vững.

Thứ ba, lĩnh vực y tế có bước phát triển rõ rệt, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và cải thiện dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Những năm qua, hệ thống y tế cơ sở vùng dân tộc thiểu số được củng cố mạnh mẽ; 100% xã có trạm y tế kiên cố và có cán bộ y tế làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của đồng bào dân tộc thiểu số đạt mức rất cao, lên tới 92% năm 2024, bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu và giảm gánh nặng chi phí khám, chữa bệnh đối với các hộ nghèo và cận nghèo. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em có bước chuyển tích cực, tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 96,4%, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em giảm đáng kể, phản ánh sự cải thiện chất lượng dân số và điều kiện sống nói chung⁽¹⁰⁾. Các dịch bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng, như sốt rét, sốt xuất huyết, sởi và đặc biệt là giai đoạn dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát tốt đã góp phần quan trọng bảo vệ sức khỏe nhân dân. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số kết hôn cận huyết thống trong năm 2023 chỉ còn 3,66%, tỷ lệ tảo hôn giảm xuống còn 14,76%⁽¹¹⁾. Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế là 86,4%, tại nhà có cán bộ chuyên môn là 3,9%⁽¹²⁾. Tuổi thọ trung bình của đồng bào các dân tộc thiểu số được nâng lên 70,7 tuổi năm 2019⁽¹³⁾. Bên cạnh đó, nhiều mô hình chăm sóc sức khỏe cộng đồng đã phát huy hiệu quả, phù hợp đặc thù vùng dân tộc thiểu số, như bác sĩ gia đình, y tế lưu động, kết hợp y học cổ truyền - hiện đại. Nhờ đó, năng lực ứng phó dịch bệnh, phòng, chống bệnh tật và chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được nâng cao.

Thứ tư, bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số

Các chương trình, đề án lớn được triển khai đồng bộ, đặc biệt là các nội dung của

Dự án số 6 trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đã góp phần gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời thúc đẩy giao lưu, tiếp biến văn hóa phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Các địa phương đã tiến hành sưu tầm, phục dựng lễ hội, tiếng nói, chữ viết, trang phục, nghề thủ công truyền thống,... của các dân tộc thiểu số. Nhiều di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số được UNESCO ghi danh, như Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, Nghệ thuật làm gốm của người Chăm. Những điều này đã khẳng định giá trị đặc sắc của văn hóa các dân tộc thiểu số trong kho tàng văn hóa nhân loại và nâng cao niềm tự hào văn hóa của cộng đồng. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở tiếp tục được củng cố, 100% xã có nhà văn hóa hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng; hoạt động văn nghệ, thể thao, truyền thông được duy trì thường xuyên, tạo môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú cho đồng bào. Hạ tầng thông tin được cải thiện mạnh mẽ, tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia, internet và các phương tiện tiếp cận thông tin ngày càng tăng, giúp đồng bào mở rộng hiểu biết, nâng cao nhận thức và tiếp cận nhanh hơn các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cùng với đó, nhiều lễ hội, phong tục, tiếng nói, chữ viết, nghề thủ công truyền thống được bảo tồn và phục hồi; các mô hình du lịch văn hóa cộng đồng dựa trên giá trị bản địa phát triển, góp phần tạo sinh kế mới và nâng cao đời sống cho đồng bào. Trong lĩnh vực tín ngưỡng, đồng bào các dân tộc thiểu số được bảo đảm đầy đủ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; nhiều giá trị tín ngưỡng truyền thống được phục dựng, kết hợp hài hòa với việc xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư. Qua đó, củng cố niềm tin của đồng bào, tăng cường đoàn kết trong cộng đồng và gắn bó với sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

Nhìn chung, các chính sách văn hóa, tín ngưỡng đã góp phần quan trọng vào việc gìn giữ bản sắc, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao đời sống tinh thần, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ năm, chính sách nhà ở được triển khai rộng khắp, góp phần cải thiện đáng kể điều kiện sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số

Nhà nước đã ưu tiên bố trí nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn về nhà ở tại vùng dân tộc thiểu số; đồng thời, phát động nhiều chương trình vận động xã hội hóa để xóa nhà tạm, nhà dột nát. Nhờ sự kết hợp giữa đầu tư ngân sách, tín dụng chính sách và sự chung tay của cộng đồng, diện mạo nhà ở vùng đồng bào có nhiều chuyển biến tích cực. Theo số liệu khảo sát, đến năm 2019, tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố của đồng bào dân tộc thiểu số đạt 79,2%, diện tích bình quân đạt 16,9 m²/người⁽¹⁴⁾. Đến năm 2024, tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố tăng lên 90,08%, diện tích nhà bình quân đạt 20,6 m²/người; diện tích đất ở bình quân đạt 511,3 m²/hộ, cho thấy mức độ cải thiện rõ rệt về điều kiện sống và nhu cầu không gian ở của đồng bào⁽¹⁵⁾. Phong trào “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát” theo Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025”” được nhiều địa phương triển khai quyết liệt, hoàn thành sớm so với kế hoạch. Các mô hình nhà ở phù hợp với văn hóa bản địa, như nhà sàn cải tiến, nhà ở thích ứng với thiên tai, cũng được phổ biến, góp phần nâng cao tính an toàn và bền vững trong sinh hoạt của người dân vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Cải thiện điều kiện nhà ở đã tạo nền tảng quan trọng để đồng bào ổn định đời sống, bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống và yên tâm phát triển kinh tế. Đây là một trong những kết quả thể hiện rõ tính ưu việt của chính sách phúc lợi

xã hội trong mô hình phát triển ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ sáu, việc bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường đã đạt nhiều tiến bộ quan trọng, góp phần cải thiện sức khỏe cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống

Nhà nước đã tăng cường đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung, hỗ trợ cải thiện hố xí hợp vệ sinh, đồng thời mở rộng nguồn tín dụng ưu đãi phục vụ cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường cho hộ dân. Cùng với nỗ lực của các địa phương và người dân, diện mạo vệ sinh, môi trường ở vùng dân tộc thiểu số có sự thay đổi rõ rệt. Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số sử dụng nước hợp vệ sinh tăng liên tục từ 88,6% năm 2019 lên 92,8% năm 2024; tỷ lệ hộ có hố xí hợp vệ sinh tăng mạnh từ 59,6% lên 79,6% trong cùng giai đoạn. Đây là mức cải thiện nhanh và toàn diện so với mặt bằng chung của nhiều vùng khó khăn trên cả nước⁽¹⁶⁾. Thói quen sinh hoạt của đồng bào có sự thay đổi tích cực. Tỷ lệ hộ nuôi nhốt gia súc dưới gầm nhà giảm còn 21,3% năm 2024⁽¹⁷⁾, góp phần hạn chế nguy cơ lây nhiễm bệnh và nâng cao ý thức vệ sinh môi trường trong cộng đồng. Nhiều mô hình điểm về thu gom rác thải, bảo vệ nguồn nước, xử lý ô nhiễm đã được triển khai tại thôn, bản, tạo chuyển biến bền vững trong bảo vệ môi trường sinh thái và phòng, chống dịch bệnh.

Như vậy, việc cải thiện điều kiện nước sạch và vệ sinh môi trường đã mang lại tác động trực tiếp tới sức khỏe nhân dân, giảm tỷ lệ bệnh tật, nâng cao chất lượng đời sống, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Mặc dù đạt nhiều kết quả quan trọng, việc thực hiện chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn một số hạn chế cần được quan tâm khắc phục. Đời sống kinh tế của một bộ phận đồng bào còn khó khăn, nguy cơ tái nghèo cao; sinh kế thiếu ổn định, năng lực tham gia thị trường của người lao động còn hạn chế. Chất lượng giáo dục - đào tạo chưa đồng đều giữa các vùng; tỷ lệ

học sinh bỏ học và tỷ lệ lao động qua đào tạo vẫn thấp so với bình quân cả nước. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu còn gặp khó khăn do thiếu nhân lực y tế chất lượng, điều kiện cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu; tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết vẫn diễn ra ở một số vùng. Trong lĩnh vực văn hóa, việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số chưa thực sự bền vững; hạ tầng truyền thông, thiết chế văn hóa ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu. Nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường vẫn chưa đồng đều, một số hộ dân còn thiếu điều kiện sinh hoạt cơ bản. Những hạn chế này bắt nguồn từ điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, nguồn lực đầu tư còn phân tán, hạ tầng thiếu đồng bộ và sự hạn chế về năng lực quản trị, quản lý và tổ chức thực hiện chính sách tại cơ sở.

Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam những năm qua có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan vẫn là cơ bản. Đó là sự thiếu phối hợp của các cấp, các ngành có liên quan, sự quan tâm của một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa đầy đủ, thiếu nguồn lực để thực hiện, như vốn, quỹ đất,... Bên cạnh đó, còn tồn tại tình trạng ý lại của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, chưa chủ động, nỗ lực vươn lên, phát huy năng lực nội sinh để giảm nghèo, nâng cao năng lực sản xuất, thu nhập và đời sống. Các thế lực thù địch lợi dụng những vấn đề nhạy cảm, như dân tộc, tôn giáo, mức sống của đồng bào để thực hiện hành vi kích động, chia rẽ trong nhân dân, cản trở việc triển khai một số chương trình, dự án kinh tế - xã hội.

3. Giải pháp thực hiện tốt chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số

Một là, nâng cao năng lực cho các chủ thể tham gia thực hiện phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số

Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng

đầu cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện phúc lợi xã hội. Chính quyền địa phương hai cấp là cơ quan quản lý nhà nước, trực tiếp tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách phúc lợi đối với đồng bào dân tộc thiểu số nên cần kiện toàn và phân công nhiệm vụ cụ thể sau khi sắp xếp, không để đứt gãy hoặc chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp cần tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về phúc lợi xã hội, trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật và hệ thống chính sách có liên quan nhằm bảo đảm sự đồng bộ của hệ thống chính sách, tránh chồng chéo gây ách tắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cần thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực để thực hiện phúc lợi xã hội cho nhân dân.

Hai là, hoàn thiện thể chế, chính sách theo hướng tích hợp, linh hoạt và phù hợp với đặc thù từng vùng dân tộc thiểu số

Việc hoàn thiện thể chế chính sách cần được coi là nền tảng quan trọng bảo đảm tính bao trùm và thích ứng của chính sách phúc lợi xã hội. Cần tiến hành rà soát, sửa đổi và bổ sung hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến phúc lợi xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số, một cách thống nhất, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực và phù hợp với thực tiễn từng vùng, miền, từng cộng đồng dân tộc thiểu số. Cần

xây dựng các bộ chỉ số đánh giá chính sách dựa trên nhu cầu thực tế và sự khác biệt về điều kiện địa lý, dân tộc, văn hóa.

Bên cạnh đó, cần tăng cường phân cấp, trao quyền chủ động cho chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã, trong xây dựng và thực thi các mô hình phúc lợi xã hội phù hợp với đặc điểm cộng đồng. Việc tích hợp các chương trình mục tiêu quốc gia cần được triển khai có trọng điểm, tránh dàn trải, trùng lặp để phát huy hiệu quả tổng hợp của các nguồn lực.

Ba là, tập trung giảm nghèo bền vững đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số

Phần đầu hết năm 2025, mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 02 lần so với năm 2020, đến năm 2030 thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước; tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số hằng năm giảm trên 3%; đến năm 2030 giảm hộ nghèo xuống dưới 10%⁽¹⁸⁾. Vì vậy, cần triển khai đồng bộ các chương trình của Trung ương và địa phương, chú trọng việc cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm của địa phương, đặc thù của từng cộng đồng dân tộc thiểu số và từng vùng, miền; bảo đảm nguồn vốn cho các chương trình, mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững đi đôi với đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số, đẩy mạnh chuyển giao khoa học - kỹ thuật, tạo sinh kế bền vững cho đồng bào. Các địa phương cần rà soát các quỹ đất để giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở, nhà ở cho đồng bào. Tăng mức tin dụng chính sách xã hội, đẩy mạnh giáo dục - đào tạo, dạy nghề, chuyển đổi nghề cho đồng bào. Giải quyết tốt vấn đề phát triển kinh tế bền vững là nhân tố quan trọng hàng đầu và là động lực để thực hiện hiệu quả các chính sách phúc lợi khác đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay.

Bốn là, phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số

Đây là giải pháp căn bản để thực hiện hiệu quả các chính sách phúc lợi xã hội khác và

là cơ sở để bảo đảm tính bền vững của chính sách. Cấp ủy, chính quyền địa phương vùng dân tộc thiểu số cần đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, chuyển đổi số, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền theo hướng đi sâu, đi sát, nắm bắt từng cộng đồng, từng hộ, từng cá nhân để đồng bào vươn lên, phát huy sự chủ động tích cực trong sản xuất và đời sống, khắc phục tình trạng ỷ lại vào chính sách. Vì vậy, cần tiếp tục xóa mù chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số, phấn đấu đạt tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 05 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học phổ thông trung học trên 60%⁽¹⁹⁾; tăng cường đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm để thúc đẩy nâng cao chất lượng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số. Tăng cường tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho đồng bào dân tộc thiểu số, hỗ trợ phát triển các nghề thủ công gắn với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số.

Năm là, ứng dụng công nghệ số vào quản trị phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số

Việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị phúc lợi xã hội không chỉ giúp giảm thiểu thủ tục hành chính, hạn chế chi phí trung gian, mà còn tạo môi trường minh bạch, tăng cường kiểm tra, giám sát, ngăn chặn trục lợi chính sách, bảo đảm phúc lợi đến đúng đối tượng, đúng nhu cầu và đúng thời điểm. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả chính sách dân tộc, thúc đẩy phát triển bền vững và bảo đảm công bằng xã hội trong điều kiện mới. Vì vậy, cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số chuyên ngành về dân tộc thiểu số, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dữ liệu an sinh xã hội và các cơ sở dữ liệu liên quan, bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, cập nhật phục vụ hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực và giám sát thực thi. Cần phát triển các nền tảng số dùng

chung trong quản lý phúc lợi xã hội, đặc biệt là các ứng dụng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ đăng ký, tra cứu, theo dõi quá trình thụ hưởng chính sách của từng hộ dân, từng cá nhân. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big data) và phân tích dự báo vào đánh giá tác động chính sách sẽ giúp các cơ quan quản lý nhận diện sớm nguy cơ tái nghèo, khó khăn về sinh kế, nhu cầu hỗ trợ giáo dục, y tế, nước sạch,... từ đó chủ động điều chỉnh chính sách phù hợp với đặc thù của từng nhóm dân tộc và từng địa bàn.

Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách từ cấp tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quản trị số, kỹ năng khai thác dữ liệu, vận hành hệ thống thông tin và hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số là việc làm rất quan trọng và cấp thiết. Do đó, các địa phương cần khuyến khích mô hình “cán bộ số cơ sở”, “tổ công nghệ số cộng đồng” nhằm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận công nghệ, nâng cao kỹ năng số và sử dụng các nền tảng dịch vụ công.

4. Kết luận

Việc thực hiện chính sách phúc lợi xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số thời gian qua đã đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần cải thiện đời sống, thu hẹp khoảng cách phát triển, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Tuy nhiên, những hạn chế về hạ tầng, sinh kế, nguồn nhân lực, chất lượng

dịch vụ xã hội và năng lực quản trị vẫn đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ. Trong bối cảnh mới, cần triển khai đồng bộ các giải pháp về hoàn thiện thể chế, phát triển nguồn lực, đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao năng lực tự chủ của người dân và tăng cường giám sát thực thi chính sách. Vì vậy, thực hiện hiệu quả các giải pháp sẽ góp phần bảo đảm quyền thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển toàn diện đồng bào dân tộc thiểu số, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và khẳng định tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam □

(1) Tổ chức Lao động quốc tế, *World Social Protection Report 2020-22: Social protection at the crossroads - in pursuit of a better future*. <https://ilo.org>, 2020

(2) Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”

(3), (4), (5), (7), (9), (10), (11), (12), (14), (15), (16) và (17) Tổng cục Thống kê, *Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024*

(6), (8) và (13) Tổng cục Thống kê, *Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*

(18) và (19) Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội “Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”